

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT - ĐỨC HÀ TĨNH



GIÁO TRÌNH

Môn học: Kế toán quản trị

Nghề: Kế toán doanh nghiệp

Trình độ: Trung cấp

Tài liệu lưu hành nội bộ

Năm 2017

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1. Khái niệm, vai trò và mục tiêu của kế toán quản trị

1.1. Khái niệm về kế toán quản trị

Như chúng ta đã biết, chức năng của kế toán là cung cấp và truyền đạt các thông tin kinh tế về một tổ chức cho các đối tượng sử dụng khác nhau, mục đích của kế toán nhằm cung cấp các thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định kinh tế - xã hội, cho việc đánh giá hiệu quả tổ chức và quản lý. Do vậy, thông tin kế toán phục vụ cả trong và ngoài doanh nghiệp. Dựa trên đặc điểm này, kế toán được chia thành hai nhánh chính: nhánh kế toán cung cấp thông tin cho quản lý điều hành hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp được gọi là kế toán quản trị; nhánh kế toán cung cấp thông tin cho những đối tượng chủ yếu ở bên ngoài doanh nghiệp được gọi là kế toán tài chính.

Về định nghĩa kế toán quản trị, có nhiều nhà nghiên cứu chuyên môn đã có khái niệm:

- Theo hiệp hội kế toán viên Hoa Kỳ (1982): “Kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo cáo giải thích và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một đơn vị để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này”

- Theo Luật kế toán Việt Nam (2003): “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kinh tế”

Như vậy, kế toán quản trị là loại kế toán dành cho những người làm công tác quản lý, nó được coi như một hệ thống trợ giúp cho các nhà quản lý ra quyết định, là phương tiện để thực hiện kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp.

1.2. Vai trò của kế toán quản trị

Kế toán quản trị có vai trò quan trọng trong quản trị điều hành doanh nghiệp thể hiện qua một số điểm sau:

- Kế toán quản trị là nguồn cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý ra quyết định kinh doanh ở tất cả các khâu: lập kế hoạch, dự toán, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá.

- Kế toán quản trị sẽ tư vấn cho nhà quản lý trong quá trình xử lý, phân tích thông tin, lựa chọn phương án, ra quyết định kinh doanh phù hợp nhất.
- Kế toán quản trị giúp nhà quản lý kiểm tra, giám sát điều hành các hoạt động kinh tế tài chính và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp nhà quản lý đánh giá những vấn đề còn tồn tại phải khắc phục.
- Kế toán quản trị giúp nhà quản lý thu thập, phân tích thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch dự toán sản xuất và tiên liệu kết quả kinh doanh.

1.3. Mục tiêu của kế toán quản trị

Kế toán quản trị là kế toán dành riêng cho các nhà quản lý, trợ giúp cho việc ra các quyết định theo các tình huống rất cụ thể của các nhà quản lý. Các quyết định của các nhà quản lý hầu hết đều liên quan đến vấn đề chi phí và giá trị thu được do các chi phí tạo ra. Vì vậy, mục tiêu của kế toán quản trị tập trung vào 2 mục tiêu chủ yếu sau:

- Mục tiêu liên kết giữa việc tiêu dùng các nguồn lực (chi phí) và nhu cầu tài trợ với các nguyên nhân của việc tiêu dùng các nguồn lực đó (chi phí phát sinh) để thực hiện các mục đích cụ thể của đơn vị.
- Mục tiêu tìm cách tối ưu hóa mối quan hệ giữa chi phí với lợi ích mà chi phí đó tạo ra.

2. Kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí

2.1. Kế toán tài chính và kế toán quản trị

a. Giống nhau:

- Đề cập đến các sự kiện kinh tế trong đơn vị và đều quan tâm đến tài sản, nguồn vốn, chi phí, doanh thu, kết quả hoạt động ...
- Dựa trên hệ thống ghi chép ban đầu của kế toán
- Biểu hiện trách nhiệm của người quản lý. Kế toán tài chính liên quan đến trách nhiệm quản lý toàn doanh nghiệp, còn kế toán quản trị liên quan đến trách nhiệm quản lý từng bộ phận cho đến người cuối cùng của doanh nghiệp có trách nhiệm với các chi phí.

b. Khác nhau:

Các chỉ tiêu	Kế toán quản trị	Kế toán tài chính
1. Đối tượng sử dụng thông tin	Đối tượng bên trong DN: Chủ DN, ban giám đốc,	Những đối tượng bên ngoài DN: Cổ đông,

	quản lý viên, quản đốc...	người cho vay, ngân hàng, các nhà đầu tư, các cơ quan Nhà nước...
2. Tính chất bắt buộc của thông tin	Linh hoạt, thích hợp từng tình huống, không bắt buộc tuân theo các nguyên tắc	Tuân theo các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán quốc tế và quốc gia
3. Tính pháp lý	Mang tính nội bộ; không có tính pháp lệnh	Có tính pháp lệnh, tuân theo quy định thống nhất của Luật, chế độ kế toán
4. Đặc điểm thông tin	Hướng về tương lai. Biểu diễn dưới hình thái giá trị, hiện vật, lao động Thu thập thông tin từ nhiều nguồn	Phản ánh quá khứ, chính xác. Biểu diễn dưới hình thái giá trị. Thu thập từ chứng từ ban đầu, sổ sách, báo cáo.
5. Hình thức báo cáo sử dụng	Báo cáo theo từng bộ phận, từng tình huống ra quyết định, linh hoạt theo yêu cầu quản lý	Báo cáo tổng hợp theo hệ thống BCTC, bắt buộc theo mẫu
6. Kỳ báo cáo	Thường xuyên, theo yêu cầu quản lý	Định kỳ (quý, năm)

2.2. Kế toán chi phí với kế toán quản trị

Kế toán chi phí là một nhánh của kế toán, có nhiệm vụ lưu chép chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc sản xuất mỗi đơn vị sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

Kế toán chi phí quan tâm đến các vấn đề sau:

- Soạn thảo các bảng kê (Các bảng dự toán, các bảng tính chi phí).
- Thu thập số liệu chi phí.
- Phân bổ chi phí cho hàng tồn kho, sản phẩm và dịch vụ.

Kế toán quản trị quan tâm đến các vấn đề sau:

- Sử dụng số liệu tài chính và truyền đạt nó dưới dạng thông tin cho người sử dụng là các nhà quản trị các cấp bên trong doanh nghiệp.

Kế toán chi phí là một phần của kế toán quản trị. Kế toán chi phí cung cấp một ngân hàng số liệu cho nhân viên kế toán quản trị sử dụng bao gồm:

- Giá vốn (thành phẩm, hàng hóa, một phần công việc...)

- Doanh thu
- Lợi nhuận
- Giá bán so với giá vốn hàng bán
- Giá trị của hàng tồn kho
- Chi phí thực tế so với dự toán

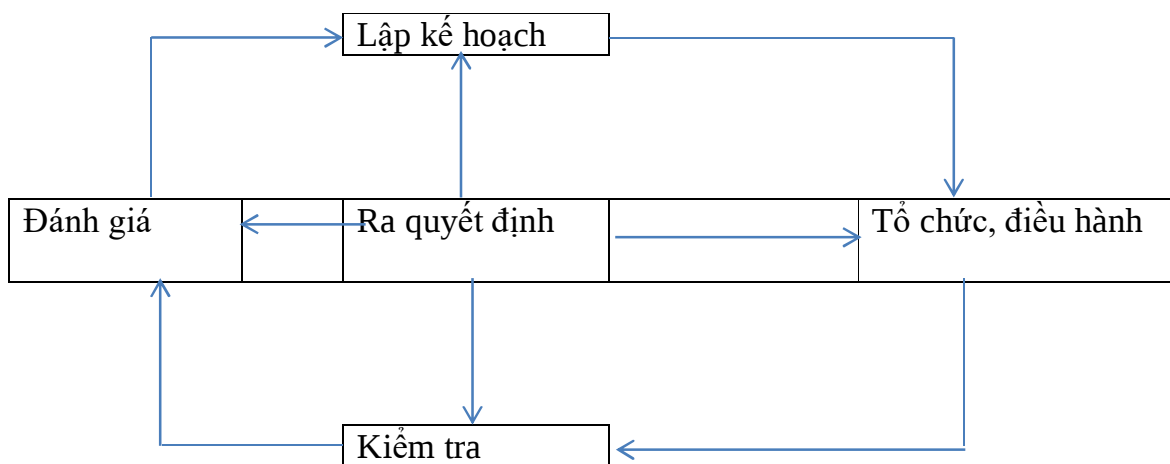
2.3. Kế toán quản trị với các môn khoa học khác

Trong tất cả các khâu của quá trình hoạt động kinh doanh, các nhà quản trị đều phải tiến hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá việc thực hiện... Cho nên kế toán quản trị là tổng hợp của nhiều môn khoa học khác như kiến thức marketing khi nghiên cứu thị trường, lựa chọn phương án kinh doanh, kiến thức thống kê khi thu thập, trình bày và phân tích dữ liệu, phân tích biến động đánh giá kết quả...

3. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý

3.1. Quá trình quản lý và chức năng quản lý

Trách nhiệm của các nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp là điều hành và quản lý các mặt hoạt động của doanh nghiệp. Các chức năng cơ bản của quản lý doanh nghiệp, tất cả xoay quanh vấn đề “ra quyết định”, được khái quát bằng sơ đồ sau:



Qua sơ đồ có thể thấy sự liên tục của hoạt động quản lý từ khâu lập kế hoạch đến thực hiện, kiểm tra, đánh giá rồi sau đó quay lại khâu lập kế hoạch cho kỳ sau, tất cả đều xoay quanh trục ra quyết định. Vai trò của kế toán quản trị thể hiện trong các khâu của quá trình quản lý được thể hiện cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn lập kế hoạch và dự toán: Kế toán quản trị thu thập thông tin thực hiện (quá khứ) và những thông tin liên quan đến tương lai (thông tin dự đoán, dự tính) để phục vụ cho việc lập kế hoạch, dự toán.

- Trong giai đoạn tổ chức thực hiện: Kế toán quản trị có vai trò thu thập và cung cấp các thông tin đã và đang thực hiện để phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của nhà quản trị và chỉ đạo thực hiện các quyết định và để phục vụ cho việc kiểm tra đánh giá sau này.

- Trong giai đoạn kiểm tra và đánh giá: Kế toán quản trị cung cấp thông tin thực hiện từng bộ phận, giúp nhà quản lý nhận diện và đánh giá kết quả thực hiện, những vấn đề còn tồn tại, đồng thời phục vụ cho việc lập kế hoạch, dự toán tiếp kỳ sau.

- Trong khâu ra quyết định: Cung cấp thông tin, soạn thảo các báo cáo phân tích số liệu, thông tin; tư vấn cho nhà quản trị lựa chọn phương án, quyết định phù hợp và tối ưu nhất.

Từ những vấn đề ở trên, có thể thấy các khâu của quá trình quản lý và quá trình kế toán quản trị có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Sơ đồ:

3.2. Phương pháp nghiệp vụ của kế toán quản trị

3.2.1. Vận dụng các phương pháp kế toán trong kế toán quản trị.

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống kế toán doanh nghiệp nên cũng sử dụng các phương pháp kế toán nói chung.

a. Phương pháp chứng từ kế toán.

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán, thu thập các thông tin chi tiết theo yêu cầu của kế toán quản trị.

b. Phương pháp tài khoản kế toán.

Dựa vào hệ thống tài khoản để tập hợp số liệu, thông tin thực hiện chi tiết theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

c. Phương pháp tính giá.

Kế toán quản trị tính giá các loại tài sản mang tính linh hoạt và gắn với mục đích sử dụng các thông tin về giá theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Việc phân loại chi phí trong kế toán quản trị có sự nhận diện riêng như : chi phí cơ hội, chi phí chìm, biến phí, định phí...

Việc tính giá tài sản không chỉ tính giá thực tế đã thực hiện, mà còn tính giá chi tiết đối với những tài sản liên quan đến các phương án, tình huống quyết định trong tương lai.

d. Phương pháp tổng hợp cân đối.

Phương pháp này thường được kế toán quản trị sử dụng trong việc lập báo cáo tổng hợp cân đối bộ phận – báo cáo nội bộ, lập báo cáo phân tích số liệu chi phí, doanh thu, kết quả để so sánh các phương án và quyết định trong tương lai.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng phương pháp này để lập các cân đối trong dự toán.

3.2.2. Các phương pháp kỹ thuật sử dụng trong kế toán quản trị.

a. Thiết kế thông tin thành bảng số liệu có thể so sánh được.

Bảng số liệu là hình thức kết cấu thành bảng biểu để trình bày, sắp xếp các thông tin thành các mục với các số liệu đã được tính toán phù hợp, dễ nhận biết theo các tiêu chuẩn để ra quyết định. Thông thường các bảng số liệu được thiết kế dưới dạng có thể so sánh được để dễ nhận biết theo tiêu chuẩn lựa chọn quyết định. Khi thiết kế các bảng số liệu so sánh cần lưu ý:

- Sắp xếp thông tin thành các khoản mục phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi tình huống quyết định.
- Các bảng mục trong bảng phải có mối quan hệ chặt chẽ, logic với nhau.
- Các số liệu thực tế, dự toán, định mức hoặc các mục tiêu định trước trong bảng phải so sánh được với nhau.
- Hình thức kết cấu bảng rất đa dạng, linh hoạt, tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin đối với mỗi quyết định.

b. Phân loại chi phí.

Hầu hết các quyết định của nhà quản trị đều liên quan đến chi phí. Đối với mỗi quyết định, chi phí liên quan có nội dung và đặc điểm khác nhau. Để có được những thông tin thích hợp về các chi phí liên quan đến từng quyết định, kế toán quản trị cần vận dụng phương pháp kỹ thuật phân loại chi phí phù hợp.

c. Trình bày mối quan hệ giữa các thông tin dưới dạng phương trình đại số.

Một công cụ thường dùng trong kế toán quản trị là sử dụng các phương trình đại số để biểu diễn mối quan hệ tương quan, ràng buộc giữa các đại lượng thông tin.

d. Trình bày các thông tin dưới dạng đồ thị.

Để trình bày các thông tin dưới dạng định lượng và mối quan hệ giữa các yếu tố đại lượng liên quan, thông thường kế toán quản trị sử dụng cách trình bày dạng đồ thị toán học. Đồ thị là cách thể hiện dễ thấy và rõ ràng nhất mối quan hệ và xu hướng biến thiên mang tính quy luật của các thông tin kế toán quản trị cung cấp và xử lý.

3.3. Tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị

Tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị của doanh nghiệp phải phù hợp với đặc điểm hoạt động, quy mô đầu tư và địa bàn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với mức độ phân cấp quản lý kinh tế - tài chính của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán phải gọn nhẹ, khoa học, hợp lý và hiệu quả cao trong việc cung cấp thông tin cho bộ máy lãnh đạo của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị theo một trong các hình thức sau:

a. Hình thức kết hợp:

Tổ chức kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị theo từng phần hành kế toán: kế toán phần hành nào sẽ thực hiện kiêm cả kế toán tài chính và kế toán quản trị phần hành đó.

b. Hình thức tách biệt:

Tổ chức thành một bộ phận kế toán quản trị riêng với bộ phận kế toán tài chính trong phòng kế toán của doanh nghiệp. Hình thức này thường áp dụng doanh nghiệp có quy mô lớn.

c. Hình thức hỗn hợp:

Là hình thức kết hợp hai hình thức trên.

CHƯƠNG 2: PHÂN LOẠI CHI PHÍ.

1. Khái niệm và đặc điểm

1.1. Khái niệm

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình tiêu dùng các nguồn lực (tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động...) để thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp và tạo ra các sản phẩm.

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp biểu hiện bằng tiền, được tính cho một thời kỳ nhất định.

1.2. Đặc điểm

- Chi phí được biểu hiện bằng tiền.
- Chi phí là chỉ tiêu để đo lường mức tiêu hao các nguồn lực của doanh nghiệp
- Chi phí có mối quan hệ đến một mục đích hoạt động của doanh nghiệp.

Mục đích của kế toán quản trị chi phí là cung cấp thông tin thích hợp về chi phí, kịp thời cho việc ra quyết định của các nhà quản trị. Vì vậy, chi phí trong kế toán quản trị còn được nghiên cứu theo cả khía cạnh nhận diện thông tin để phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh. Chi phí trong kế toán quản trị có thể là phí tổn thực tế đã chi ra trong quá trình hoạt động và cũng có thể là chi phí ước tính khi thực hiện dự án hay giá trị lợi ích mất đi khi lựa chọn phương án, hoạt động này mà bỏ qua cơ hội kinh doanh khác. Vì vậy chi phí trong kế toán quản trị lại cần chú ý đến việc nhận diện chi phí phục vụ cho việc so sánh, lựa chọn phương án tối ưu trong từng tình huống ra quyết định, ít chú ý hơn vào chứng minh chi phí phát sinh bằng các chứng từ kế toán.

2. Phân loại chi phí

2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Theo cách phân loại này người ta chia chi phí của doanh nghiệp thành chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

2.1.1. Căn cứ phân loại: Căn cứ vào mục đích của chi phí.

Mục đích phân loại chi phí theo cách này là:

- Cung cấp thông tin để kiểm soát chi phí theo định mức/dự toán.